

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6482/BTP-VP

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2013

V/v trả lời kiến nghị của UBND các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trên cơ sở tổng hợp kiến nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp 6 tháng đầu năm 2013, Bộ Tư pháp xin gửi Bản tổng hợp và trả lời đối với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đề nghị các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc nghiên cứu và tiếp thu những giải đáp của Bộ Tư pháp để nhằm thực hiện tốt hơn công tác pháp chế, tư pháp, thi hành án của địa phương trong thời gian tới. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để nghiên cứu, tiếp thu);
- Lưu: VT, TH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Hồng Sơn

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2013

**BẢN TỔNG HỢP VÀ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU
HÀNH CỦA BỘ TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013**

**I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT, THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC
PHÁP CHẾ**

1. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, phân bổ biên chế pháp chế cho địa phương để thành lập Phòng Pháp chế sở, ngành nhất là về biên chế của tổ chức này ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế, tiêu chuẩn người làm công tác pháp chế, chế độ ưu đãi cho cán bộ làm công tác pháp chế tại các cơ quan, đơn vị, đồng thời phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế tại các địa phương (UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Phú Thọ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trả lời:

Thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ, đồng thời để tạo điều thuận lợi hơn cho các tổ chức pháp chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình, nhất là các nhiệm vụ, quyền hạn mới được giao theo các văn bản vừa được ban hành trong thời gian qua như theo dõi thi hành pháp luật, pháp điển, hợp nhất VBQPPL..., Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo: Thông tư hướng dẫn nghiệp vụ của các tổ chức pháp chế; Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về tổ chức, biên chế, tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước; hiện các dự thảo nói trên đang được lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Chính phủ đang sửa đổi các Nghị định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 16/2009/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); trong đó có liên quan trực tiếp đến nội dung của dự thảo Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về tổ chức, biên chế, tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp

tỉnh và doanh nghiệp nhà nước. Do đó, Bộ Nội vụ chưa thống nhất về thời điểm ban hành Thông tư liên tịch và cho rằng Thông tư liên tịch này cần ban hành sau khi Chính phủ ban hành các nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định hiện hành quy định về tổ chức của các Bộ, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

Hiện tại, Bộ Tư pháp tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ trong việc nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch nêu trên theo tinh thần của các dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định hiện hành quy định về tổ chức của các Bộ, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh để đảm bảo tính khả thi và thống nhất của hệ thống pháp luật.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Quyết định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế. Ngày 06/12/2011, tại Tờ trình số 42/TTr-BTP Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định nêu trên. Trên cơ sở Kế hoạch xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, ngày 19/3/2012, Văn phòng Chính phủ có Công số 3515/VPCP-KGVX thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế trong Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã luôn chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ để thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định chế độ chính sách đặc thù đối với người làm công tác xây dựng, thẩm định văn bản (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật hiện hành (Luật Ban hành VBQPPL năm 2008, Nghị định số 24/2004/NĐ-CP...) thì đội ngũ những người làm công tác xây dựng và thẩm định VBQPPL chưa được xác định là hoạt động nghề theo chức danh và cũng chưa được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù.

Để xây dựng được một đội ngũ công chức làm công tác xây dựng và thẩm định văn bản có trình độ cao về chuyên môn, chuyên nghiệp về soạn thảo và thẩm định văn bản, Bộ Tư pháp đồng tình về nguyên tắc với ý kiến của UBND tỉnh Hưng Yên là các Bộ liên quan như Bộ Tư pháp, Nội vụ, Tài chính... cần nghiên cứu, trình Chính phủ quy định chức danh chuyên môn về xây dựng, thẩm định văn bản và chế độ tương xứng cho chức danh này.

Với nhiệm vụ được Chính phủ giao, hiện nay Bộ Tư pháp đang tổng kết thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2008, Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND năm 2004 để xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất), Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu để xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ những người làm công tác xây dựng và thẩm định VBQPPL, từ đó xác định tính chất công việc để có thể xây dựng, trình Chính phủ quy định về chức danh; trình

Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đặc thù cho đội ngũ những người làm công tác này.

3. Đề nghị tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ khi ban hành Luật, Nghị định cần thống nhất, đồng bộ, tránh sự chồng chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các ngành và tránh tình trạng Luật ban hành chờ Nghị định quy định chi tiết, Thông tư hướng dẫn thực hiện (UBND tỉnh Phú Thọ).

Trả lời:

Nhìn chung, trong thời gian qua công tác xây dựng, ban hành VBQPPL được thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục và hình thức theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, nhằm hạn chế tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các VBQPPL; các bộ, cơ quan ngang bộ đã chấp hành quy định của Luật Ban hành VBQPPL liên quan đến trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành VBQPPL, trong đó có yêu cầu về tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các VBQPPL hiện hành có liên quan đến VBQPPL; khảo sát đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo văn bản.

Bên cạnh đó, các cơ quan thẩm định, thẩm tra cũng đã tuân thủ đúng yêu cầu của Luật Ban hành VBQPPL, trong đó, chú trọng thẩm tra về tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành để tránh sự chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn giữa các VBQPPL. Trong thời gian qua, các Ủy ban của Quốc hội cũng tăng cường công tác giám sát việc ban hành VBQPPL của các cơ quan nhà nước ở trung ương và của HĐND, UBND để phát hiện những hạn chế, bất cập trong công tác ban hành VBQPPL; đặc biệt là tìm ra các quy định chồng chéo, mâu thuẫn trong các VBQPPL do các cơ quan nói trên ban hành để có giải pháp khắc phục. Chính phủ cũng đã chỉ đạo Bộ Tư pháp tăng cường công tác “hậu kiểm” đối với VBQPPL do các bộ, cơ quan ngang bộ, HĐND và UBND ban hành. Kết quả đạt được trong thời gian qua là khả quan, đã phát hiện nhiều văn bản được ban hành sai thẩm quyền, hình thức, một số văn bản mâu thuẫn, chồng chéo; Bộ Tư pháp đã đề nghị xử lý theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, nhìn chung, tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các VBQPPL, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện vẫn chưa được khắc phục triệt để, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường tham mưu cho Chính phủ thực hiện các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Quốc hội trong quá trình soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh từ khâu lập dự kiến chương trình, soạn thảo, thẩm tra đến khâu tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo ý kiến của Đại biểu Quốc hội; đồng thời, có sự phối hợp giữa cơ quan soạn thảo VBQPPL với cơ quan thẩm định, thẩm tra.

Thứ hai, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo dõi tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh từ ngày 01/7/2013.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của lãnh đạo bộ, ngành về tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng VBQPPL trong hoạt động quản lý nhà nước; triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2008, trong đó có quy định về việc lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động của VBQPPL, tổng kết thi hành pháp luật, đánh giá tác động của dự thảo văn bản.

Thứ tư, nghiên cứu đổi mới phương thức và tăng cường kỷ luật trong hoạt động của các ban soạn thảo luật; nâng cao chất lượng thẩm định, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh; kiên quyết chưa trình Chính phủ và Quốc hội những dự án luật chưa đạt chất lượng.

Thứ năm, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối với các bộ, ngành; hàng quý có báo cáo Chính phủ về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, bao gồm cả tình trạng nợ đọng văn bản. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ công khai tình hình soạn thảo, trình bày văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh của các bộ, cơ quan ngang bộ hàng tháng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Thứ sáu, tiến hành sơ kết ba năm thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2008, tổng kết việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL của HĐND và UBND năm 2004 để xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất).

Thứ bảy, nghiên cứu đề kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội về khả năng giao cho một cơ quan độc lập soạn thảo VBQPPL theo mô hình hiện nay ở một số nước trên thế giới nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp và khách quan trong công tác soạn thảo VBQPPL.

Thứ tám, khẩn trương kiện toàn tổ chức pháp chế bộ, ngành theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác soạn thảo VBQPPL; tăng cường sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học vào quá trình soạn thảo luật; tăng kinh phí thích đáng cho công tác xây dựng VBQPPL.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ năng về công tác pháp chế cho cán bộ làm công tác pháp chế ở các bộ, ngành, trong đó có cán bộ làm công tác pháp chế để đội ngũ cán bộ pháp chế bộ, ngành có đủ năng lực và chuyên môn về thi hành pháp luật, tập trung vào các kỹ năng thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật đặc biệt là về kỹ năng xây dựng báo cáo đánh giá tác động văn bản và kỹ năng soạn thảo văn bản, hợp nhất văn bản, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Bộ Tư pháp chưa tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ theo định kỳ như những năm trước đây (Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trả lời:

Hàng năm, Bộ Tư pháp đều có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tư pháp, trong đó có cán bộ pháp chế và giao cho các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện. Ngày 03/4/2012, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-BTP giao Học viện Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tổ chức công tác pháp chế. Đối với công tác tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, Bộ Tư pháp sẽ tập huấn cho các đồng chí làm đầu mối, sau đó, các bộ, ngành tiếp tục tự triển khai công tác này trong nội bộ đơn vị mình. Các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau của Bộ Tư pháp cũng là đào tạo các kỹ năng cho công tác pháp chế.

Trong 6 tháng cuối năm 2013, Bộ Tư pháp dự kiến sẽ tổ chức một số hội nghị tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tổ chức công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và quán triệt nội dung một số văn bản mới ban hành; thời gian, địa điểm và thành phần cụ thể sẽ có giấy mời gửi các bộ, ngành. Đối với các vấn đề cụ thể mà các bộ, ngành có ý kiến, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu và đưa vào nội dung tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ pháp chế trong thời gian tới.

5. Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và văn bản quy định về chỉ tiêu thống kê quốc gia làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định 59/2012/NĐ-CP (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã xây dựng xong dự thảo Thông tư nói trên và đang gửi xin ý kiến chính thức của các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (Công văn số 4834/BTP-VDCXDPL ngày 20/6/2013). Dự kiến Thông tư sẽ được ban hành trong Quý III/2013.

6. Qua theo dõi công tác xây dựng pháp luật và thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, Bộ Nội vụ thấy hiện nay tại nhiều bộ, ngành, địa phương việc thực hiện các nội dung trên gặp nhiều khó khăn do còn có nhiều mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thực tế trong các văn bản do các cơ quan có thẩm quyền của Trung ương ban hành. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là trong quá trình xây dựng pháp luật, nhiều bộ, ngành đã đưa các nội dung về thành lập tổ chức, bộ máy, về các chức danh, biên chế, chế độ, chính sách vào nội dung các điều cụ thể của luật chuyên ngành. Điều này không phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức Chính phủ. Bên cạnh đó, trong quá trình soạn thảo Nghị định, các quy định về tổ chức, bộ máy, biên chế, chế độ, chính sách cũng được đặt ra mặc dù Bộ Nội vụ đã có quan điểm không đồng tình vì không phù hợp về thẩm quyền, nội dung. Tuy nhiên, một số ý kiến của Bộ Nội vụ trong quá trình xây dựng pháp luật không được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và vẫn được thẩm định thông qua. Do vậy, Bộ Nội vụ kiến nghị Bộ Tư pháp trong

quá trình thẩm định văn bản cần quan tâm hơn nữa đến các nội dung nêu trên để đảm bảo sự đồng bộ, tính khả thi của các văn bản, góp phần giảm bớt tình trạng tăng tổ chức, bộ máy, biên chế và các chế độ, chính sách. Đồng thời, Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Tư pháp đưa nội dung trên vào chương trình tổng kết thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất) đáp ứng yêu cầu tinh giản tổ chức, bộ máy cơ quan hành chính nhà nước (Bộ Nội vụ).

Trả lời:

Dự án Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội Khoá XIII. Theo Kế hoạch Dự án Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất) sẽ được trình Quốc hội thông qua vào năm 2015. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, chuẩn bị tổ chức Hội nghị tổng kết thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2004 và đánh giá tình hình thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2008. Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu ý kiến của Bộ Nội vụ trong quá trình xây dựng cũng như trong quá trình thẩm định dự án Luật này và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ khẩn trương đề xuất sửa đổi Điều 78 Luật Ban hành VBQPPL 2008, trong đó cần làm rõ và xác định đầy đủ hơn các tiêu chí được coi là tình trạng khẩn cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo tính khả thi của các quy định pháp luật, cũng như tạo điều kiện để các cơ quan ban hành văn bản thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước của mình (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Tại Điều 78 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Thời điểm có hiệu lực của VBQPPL được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành. Trường hợp VBQPPL quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh thì có thể có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành nhưng phải được đăng ngay trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam chậm nhất sau hai ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành”.

Tiêu chí được coi là “tình trạng khẩn cấp” được xác định theo Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp ngày 23/3/2000 và Nghị định số 72/2002/ND-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa, dịch bệnh lớn nguy hiểm. Thời gian tới, trong quá trình nghiên cứu soạn thảo dự án Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất), Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu đề bổ sung, hoàn thiện quy định tại Điều 78 của Luật Ban hành VBQPPL, nhằm đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đang đặt ra hiện nay.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ tiêu thống kê quốc gia làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/ND-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi

thi hành pháp luật để các Bộ có căn cứ xây dựng chỉ tiêu thống kê của ngành mình (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Quyết định về Chỉ tiêu thống kê quốc gia về thi hành pháp luật đã được Chính phủ đưa vào Chương trình công tác năm 2013. Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, chỉ tiêu thống kê quốc gia về thi hành pháp luật cũng là một bộ phận của Bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia và cần được bổ sung tại Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, việc xây dựng riêng một chỉ tiêu quốc gia về thi hành pháp luật là không cần thiết. Do đó, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3797/BTP-VP ngày 21/5/2013 đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý đưa Quyết định về Chỉ tiêu thống kê quốc gia về thi hành pháp luật ra khỏi Chương trình công tác của Chính phủ và giao việc xây dựng Bộ chỉ tiêu về thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi sửa đổi, bổ sung Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan sớm xây dựng, trình ban hành các Nghị định quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính, giảm thiểu số lượng Nghị định để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời đề nghị phối hợp chặt chẽ với các Bộ trong quá trình xây dựng VBQPPL trình Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thời gian thẩm định VBQPPL do các Bộ gửi đến (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

- Về tình hình xây dựng các nghị định

Ngày 20/6/2012, Quốc hội ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC) số 15/2012/QH13 và Nghị quyết số 24/2012/QH13 về thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Để triển khai thi hành Luật và Nghị quyết, ngày 05/10/2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1473/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC gồm 57 nghị định quy định chi tiết thi hành Luật (từ hơn 120 nghị định quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh XLVPHC hiện hành rút xuống còn 57 nghị định). Việc giảm số lượng lớn các nghị định sẽ góp phần kiểm soát tình hình ban hành văn bản; đảm bảo tính đơn giản, gọn nhẹ, minh bạch, tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các nghị định, qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc chấp hành pháp luật và cho các công chức trong thực thi công vụ.

Xác định việc triển khai thi hành Luật XLVPHIC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp năm 2013, ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1473/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3889/QĐ-BTP về việc thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai Luật XLVPHIC do 01 đồng chí Thứ trưởng Bộ Tư pháp làm Tổ trưởng; 01 đồng chí Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Tổ phó và đại diện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các chuyên gia là thành viên. Ngày 17/01/2013, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-BTP về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định các dự thảo nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Hội đồng gồm các thành viên là đại diện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các chuyên gia đề tư vấn thẩm định tất cả các dự thảo nghị định nhằm bảo đảm chất lượng cũng như tính khả thi, tính hợp lý, tính đồng bộ, tính thống nhất của các nghị định. Đây là một trong những giải pháp đột phá trong công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật nói chung và các nghị định quy định chi tiết luật, pháp lệnh nói riêng.

Trong số 57 Nghị định cần được xây dựng thì có 53 Nghị định phải được xây dựng, trình Chính phủ trước tháng 5/2013. Với sự tập trung, nỗ lực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tính đến thời điểm hiện nay, đã có 51 dự thảo nghị định được xây dựng và được Hội đồng tư vấn thẩm định thẩm định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã tiếp tục chỉnh lý dự thảo. Đến nay, Bộ Tư pháp đã phát hành văn bản thẩm định chính thức đối với 48 dự thảo nghị định, trong đó, 13 dự thảo đã được Văn phòng Chính phủ gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ để ban hành.

Cho đến nay, Chính phủ đã ban hành 04 Nghị định là: Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê; Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính còn lại một số lượng lớn các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đều chưa được ban hành, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai thi hành Luật XLVPHIC. Điều này xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, có khó khăn lớn trong việc phân định phạm vi điều chỉnh và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xử lý các vấn đề chồng lấn giữa các nghị định quy định xử phạt trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Thứ hai, Luật XLVPHIC có nội dung phức tạp, nhiều điểm mới so với Pháp lệnh trước đây, mặt khác, thời gian nghiên cứu soạn thảo các nghị định ngắn nên dẫn đến nhiều nội dung trong một số dự thảo Nghị định chưa phù hợp với tinh thần của Luật. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến tính khả thi, tính thống nhất, tính hợp lý của các quy định trong nội tại văn bản nói riêng và trong hệ thống văn bản về xử phạt vi phạm hành chính nói chung.

Thứ ba, nội dung của nhiều nghị định rất phức tạp, phạm vi ảnh hưởng rộng, trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp nên việc soạn thảo phải hết sức thận trọng, phải bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản, nhất là yêu cầu tổ chức lấy ý kiến đối với các đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

10. Đề nghị sớm có Kế hoạch triển khai khoản 2 Điều 17 Luật Xử lý VPHC, trong đó giao Sở Tư pháp thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật về Xử lý VPHC; bố trí biên chế cho cơ quan tư pháp (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Một trong 4 nhóm nhiệm vụ triển khai thi hành Luật XLVPHC được xác định trong Quyết định 1473/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đó là xây dựng đề án thi hành Luật XLVPHC. Trong nhóm nhiệm vụ này Bộ Tư pháp được phân công chủ trì, phối hợp với các cơ quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng tổ chức, bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp địa phương.

Liên nay, dự thảo Đề án đã được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

11. Đề nghị tổ chức lớp tập huấn về Luật Xử lý VPHC (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Để triển khai thi hành Luật XLVPHC, Nghị quyết số 24/2012/QH13 về thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1473/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC, ngày 17/10/2012, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 2740/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính với 5 nhóm nhiệm vụ, cụ thể là: (1) Quán triệt, phổ biến nội dung của Luật XLVPHC và tổ chức tập huấn chuyên sâu trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (2) Rà soát, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính do Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành chủ trì soạn thảo; (3) Xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC; (4) Xây dựng các đề án triển khai thi hành Luật XLVPHC; (5) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện.

Thực hiện nhóm nhiệm vụ thứ nhất (Quán triệt, phổ biến nội dung của Luật XLVPHC và tổ chức tập huấn chuyên sâu trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính), Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị quán triệt triển khai Luật XLVPHC, Nghị quyết số 24/2012/QH13 về thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1473/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào tháng 11/2012 cho đối tượng là Lãnh đạo UBND cấp tỉnh, Lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

Công an tỉnh của 23 tỉnh, thành phố phía Nam. Đồng thời, cũng trong thời gian này, Bộ Tư pháp đã tổ chức một Hội nghị chuyên sâu về Luật XLVPHIC cho đối tượng là cán bộ của các Sở Tư pháp, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh của Thành phố Hồ Chí Minh và 22 tỉnh lân cận.

Bộ Tư pháp đã xây dựng bộ tài liệu tập huấn về Luật XLVPHIC và phát cho các đại biểu dự hội nghị tập huấn nói trên.

Theo Kế hoạch đã được phê duyệt, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức Hội nghị tập huấn về Luật XLVPHIC tại Đà Nẵng trong năm 2013, ngoài việc giới thiệu các nội dung của Luật XLVPHIC, Nghị quyết số 24/2012/QH13 về thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1473/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHIC, Hội nghị tập huấn sẽ giới thiệu về các nội dung của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật XLVPHIC.

Bên cạnh việc tổ chức các Hội nghị triển khai và tập huấn chuyên sâu về Luật XLVPHIC, Bộ Tư pháp đã thực hiện một số công việc có liên quan đến việc phổ biến pháp luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như:

- In và phát hành cuốn sách giới thiệu nội dung cơ bản của Luật XLVPHIC vào tháng 9/2012 theo đúng kế hoạch đã được duyệt.

- Biên soạn đặc san tuyên truyền và đề cương giới thiệu Luật xử lý vi phạm hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ vào tháng 10/2012.

- Xây dựng sổ chuyên đề về Luật xử lý vi phạm hành chính. Hiện nay, các chuyên đề đã hoàn thành và gửi cho Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Dự kiến sẽ phát hành sổ chuyên đề về Luật xử lý vi phạm hành chính vào tháng 07/2013.

- Xây dựng chuyên mục về xử lý vi phạm hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Các thông tin hoạt động liên quan đến việc triển khai Luật xử lý vi phạm hành chính được cập nhật liên tục trên chuyên mục này.

Đồng thời với việc tổ chức Hội nghị quán triệt, tập huấn về Luật XLVPHIC, Bộ Tư pháp còn cử các đồng chí cán bộ có kinh nghiệm tham dự các Hội nghị tập huấn, triển khai Luật XLVPHIC do các Bộ, ngành và địa phương tổ chức để giới thiệu về những điểm mới của Luật.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành để xây dựng và sớm ban hành các văn bản hướng dẫn Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện; có hướng dẫn đối với công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính có hướng dẫn về chế độ tài chính thực hiện các công tác này (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế).

Trả lời:

- Về ban hành văn bản hướng dẫn Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (Pháp lệnh)

Về cơ bản, Pháp lệnh đã quy định khá chi tiết, cụ thể về kỹ thuật trình bày văn bản hợp nhất, kèm theo đó là những ví dụ minh họa cụ thể. Do đó, việc hợp nhất văn bản cũng không gặp nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định của Pháp lệnh, hiện nay Bộ Tư pháp đã xây dựng xong Dự thảo Sổ tay hướng dẫn kỹ năng hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (nội dung Sổ tay là các câu hỏi liên quan đến kỹ thuật hợp nhất văn bản, trong đó giải đáp những vướng mắc thường gặp khi thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật) và đang chuẩn bị lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành.

- Về hướng dẫn chế độ tài chính thực hiện công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn định mức kinh phí cho công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật đang gửi Bộ Tài chính để lấy ý kiến.

13. Tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định 66/2008/NĐ-CP loại trừ trách nhiệm giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp trong những trường hợp cụ thể theo quy định: “Việc giải đáp pháp luật quy định tại Điều này không áp dụng đối với các yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp về những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”. Tuy nhiên, trên thực tế, hầu hết doanh nghiệp cần được nhà nước giải đáp pháp luật đối với những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do vậy, kiến nghị Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn khoản 6 Điều 10 Nghị định 66/2008/NĐ-CP để giúp cán bộ pháp chế sở, ngành địa phương có cơ sở phân biệt rõ các trường hợp doanh nghiệp được hỗ trợ pháp lý, ranh giới của những trường hợp được và không được giải đáp theo quy định (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Khoản 6 Điều 10 Nghị định 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định: “Việc giải đáp pháp luật quy định tại Điều này không áp dụng đối với các yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp về những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”. Theo quy định này, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, các Bộ có trách nhiệm giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp trong những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp không hiểu hoặc hiểu không đúng nội dung các quy định của pháp luật dẫn tới khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;
- Doanh nghiệp có những cách hiểu khác nhau, không thống nhất trong việc áp dụng cùng một quy định của pháp luật;
- Trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước có những cách hiểu không thống nhất đối với cùng một quy định pháp luật.

Theo đó, đối với những trường hợp giải đáp pháp luật cụ thể liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tùy theo nhu cầu, doanh nghiệp có thể nhờ tư vấn pháp luật tại các văn phòng luật sư, công ty luật, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền theo quy định tại Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chủ trì xây dựng và thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 66/2008/NĐ-CP (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Ngày 05/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 585/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010-2014 (viết tắt là Chương trình 585). Chương trình bao gồm 03 Dự án lớn. Trong đó, tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là Dự án 3 của Chương trình. Dự án với mục tiêu: Tăng cường năng lực cho tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và pháp chế các Sở, ban, ngành thuộc UBND cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Tăng cường năng lực cho các đơn vị thực hiện chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 66/2008/NĐ-CP.

Đối tượng thụ hưởng của Chương trình là: Các cơ quan có trách nhiệm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 66/2008/NĐ-CP; Các đơn vị thực hiện chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các tổ chức đại diện của doanh nghiệp.

Từ năm 2010 đến nay, Chương trình đã và đang được triển khai sâu rộng trên khắp cả nước với các hoạt động tọa đàm, bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng Cẩm nang kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

15. Đề nghị rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động công chứng như: Bộ luật Dân sự, Luật Công chứng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Xây dựng... để sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ và thống nhất (UBND tỉnh Sóc Trăng).

Trả lời:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các văn bản nêu trên và nhận thấy có sự chưa thống nhất trong một số quy định liên quan đến hoạt động công chứng, cụ thể là:

- Về việc công chứng hợp đồng thế chấp nhà ở (Điều 93 Luật Nhà ở năm 2005):

Theo quy định tại Điều 93 của Luật Nhà ở năm 2005 thì hợp đồng thế chấp nhà ở được lập thành văn bản, có công chứng hoặc chứng thực cụ thể là hợp đồng thế chấp nhà ở phải có chứng nhận của công chứng, chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nhà ở tại đô thị, chứng thực của Ủy ban nhân dân xã đối với nhà ở tại nông thôn. Tuy nhiên, trong khi đó theo quy định của pháp luật về đất đai thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lại thuộc thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã. Như vậy, giữa Luật Nhà ở năm 2005 và Luật Đất đai năm 2003 có sự không thống nhất khi quy định về vấn đề này, mặc dù trên thực tế thì nhà và đất thường được thế chấp đồng thời và được thỏa thuận trong cùng một hợp đồng thế chấp.

- Về công chứng hợp đồng kinh doanh bất động sản:

Quy định công chứng, chứng thực đối với giao dịch về quyền sử dụng đất đã được nêu trong Bộ luật Dân sự và cụ thể hóa trong Luật Đất đai hiện hành. Cụ thể, khoản 2, Điều 124 và khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự yêu cầu các giao dịch về quyền sử dụng đất phải có công chứng, chứng thực.

Luật Đất đai năm 2003 cũng quy định: việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất bắt buộc phải công chứng, chứng thực hợp đồng (các Điều 126, 127, 128, 130, 131), đây cũng là điều kiện có hiệu lực của giao dịch liên quan đến bất động sản.

Tuy nhiên, tại khoản 3, Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006 cũng đã quy định “việc công chứng, chứng thực hợp đồng kinh doanh bất động sản do các bên thỏa thuận”.

Với quy định này, các bên được quyền công chứng, chứng thực giao dịch bất động sản (trong đó có cả giao dịch về quyền sử dụng đất) để bảo đảm tính chặt chẽ của hợp đồng công chứng, chứng thực. Ngược lại nếu hợp đồng không được công chứng, chứng thực thì giao dịch bất động sản cũng không bị vô hiệu và các bên cũng không bị bắt buộc phải thực hiện. Như vậy, Luật kinh doanh bất động sản năm 2006 đã chuyển nghĩa vụ công chứng, chứng thực thành quyền công chứng chứng thực giao dịch.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã rà soát các quy định của Bộ luật dân sự với các văn bản pháp luật khác có liên quan như: Luật hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng, Luật Thương mại, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Cư trú... để sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ và thống nhất.

II. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, PHÁP ĐIỂN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Đề nghị phối hợp với tổ chức pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra văn bản chuyên đề tại địa phương (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trả lời:

Bộ Tư pháp hoàn toàn nhất trí với đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đề nghị Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động lên kế hoạch triển khai và Bộ Tư pháp sẽ giao cho đơn vị chuyên môn có liên quan phối hợp thực hiện.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, triển khai đội ngũ cộng tác viên, cơ chế thực hiện đề các Bộ, ngành thực hiện thống nhất và có hiệu quả (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Trong quý III/2013, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức 02 lớp tập huấn, 01 lớp tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa VBQPPL dành cho đối tượng là cán bộ làm công tác pháp chế của Bộ, ngành và cơ quan tư pháp địa phương và 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL dành cho đối tượng là công chức, viên chức các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp. Ngoài ra, trong tháng 7/2013, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức 03 Hội nghị triển khai Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 03/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Cụ thể, tổ chức 02 hội nghị tại miền Bắc (01 Hội nghị dành cho đối tượng là bộ, ngành Trung ương và 01 Hội nghị dành cho đối tượng là các địa phương khu vực phía Bắc), 01 Hội nghị tại miền Nam dành cho đối tượng là các địa phương khu vực phía Nam.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành để xây dựng và sớm ban hành các văn bản hướng dẫn Pháp lệnh Pháp lệnh pháp điển hóa văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện công tác này, đồng thời đề nghị Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính có hướng dẫn về chế độ tài chính thực hiện các công tác này (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế).

Trả lời:

Ngày 27/6/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh pháp điển VBQPPL. Hiện, dự thảo Thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính để thực hiện các công tác này đang được Bộ Tư pháp gửi Bộ Tài chính phối hợp lấy ý kiến và sẽ ban hành trong thời gian tới.

III. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Đề nghị sớm ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL. Trên cơ sở nội dung Quyết định này, đề nghị các

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện theo quy định trong thời hạn chậm nhất là ba tháng kể từ ngày 05/7/2013.

2. Năm 2013 có rất nhiều văn bản luật mới được Quốc hội khóa XIII ban hành bắt đầu có hiệu lực, trong đó một số luật vẫn chưa có đề cương hướng dẫn tuyên truyền của Bộ Tư pháp. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo các vụ chức năng đẩy nhanh tiến độ xây dựng đề cương hướng dẫn tuyên truyền luật mới để pháp chế các Bộ, ngành làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các văn bản luật (Thông tấn xã Việt Nam).

Trả lời:

Để kịp thời đưa pháp luật vào cuộc sống, sau khi Văn phòng Chủ tịch nước tổ chức công bố Luật, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành đã chủ trì soạn thảo Luật xây dựng đề cương giới thiệu nội dung của Luật và đăng tải kịp thời trên Trang tin PBGDPL thuộc Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp nhằm cung cấp thông tin, tài liệu cho các Bộ, ngành và địa phương, bảo đảm triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật đó kịp thời, rộng rãi. Tuy nhiên, cũng có một số đề cương giới thiệu văn bản Luật còn chậm được phát hành do các Bộ, ngành biên soạn và gửi đề cương giới thiệu luật về Bộ Tư pháp chưa bảo đảm tiến độ.

Đối với 10 Luật đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 3, kỳ họp thứ 4, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan biên soạn đề cương giới thiệu 9/10 luật và đăng tải trên Trang tin PBGDPL, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn). Riêng đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực do Luật này có đối tượng và phạm vi tác động quá hẹp nên Bộ Công thương không biên soạn đề cương giới thiệu.

Đối với các Luật vừa được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 5, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành biên soạn đề cương giới thiệu các luật này và tích cực đôn đốc việc biên soạn để sớm hoàn thành đề cương để đăng tải trên trang tin điện tử chậm nhất vào ngày 15/8/2013, phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ, ngành, địa phương.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục duy trì việc xét khen thưởng các cơ quan báo chí có thành tích xuất sắc trong công tác PBGDPL để động viên các cơ quan này nỗ lực hơn nữa trong công tác tuyên truyền, PBGDPL (Thông tấn xã Việt Nam).

Trả lời:

Cơ quan báo chí có vai trò quan trọng trong việc chuyển tải thông tin pháp luật, phổ biến pháp luật tới đông đảo độc giả dưới hình thức báo in, báo hình, báo điện tử. Trong thời gian qua, các cơ quan báo chí, truyền thông đã có nhiều đóng góp tích cực vào kết quả trong công tác PBGDPL nói chung, cũng như tuyên truyền về ngành tư pháp, được Đảng, Nhà nước và xã hội ghi nhận. Những năm trước đây, Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối

hợp công tác PBGDPL của Chính phủ đã tham mưu Hội đồng đề xuất, làm thủ tục khen thưởng các cơ quan báo chí có thành tích xuất sắc trong công tác này. Thời gian gần đây, hàng năm các Bộ, ngành, đoàn thể đã đề xuất Bộ Tư pháp khen thưởng công tác pháp chế, trong đó có hoạt động PBGDPL.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đề xuất Hội đồng phối hợp PBGDPL. Trung ương tăng cường việc khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể, các cơ quan báo chí có thành tích xuất sắc trong công tác PBGDPL.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng dẫn Luật PBGDPL và Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật PBGDPL, nhất là đối với vấn đề kinh phí thực hiện hoạt động PBGDPL. Nguồn kinh phí hàng năm được bố trí cho công tác PBGDPL rất hạn chế, định mức chi cho các nhiệm vụ phổ biến pháp luật còn thấp là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế của công tác này (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Sau khi Luật PBGDPL có hiệu lực thi hành, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong 6 tháng đầu năm 2013, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, đó là: Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật PBGDPL, Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL. Điều 39 Luật PBGDPL và Điều 11 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP xác định: "Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách do ngân sách nhà nước bảo đảm".

Đồng thời, Bộ Tư pháp đang tích cực phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL trong quý III/2013. Đồng thời, ngày 05/7/2013, Bộ Tư pháp có Công văn số 5269/BTP-KIITC gửi Thường trực HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc lập dự toán kinh phí cho công tác PBGDPL năm 2014. Do vậy, căn cứ quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, ngành quan tâm, chủ động xây dựng dự toán kinh phí hàng năm bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL của bộ, ngành mình để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của Bộ, ngành trình cấp có thẩm quyền phân bổ.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn kịp thời việc triển khai Luật PBGDPL mới được ban hành, có hiệu lực năm 2013 (UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

Sau khi Luật phổ biến, giáo dục pháp luật được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 3, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2216/QĐ-BTP ngày 30/7/2012 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Luật PBGDPL trong đó

xác định cụ thể các nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương cần thực hiện để triển khai Luật, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm và tiến độ thực hiện. Hiện cả nước có 57/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân hoặc Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh triển khai thi hành Luật. Một số địa phương đã ban hành Chỉ thị đôn đốc việc triển khai Luật như Bắc Kạn, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi... Một số bộ, ngành, đoàn thể đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai là: Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động VN, Hội Người cao tuổi VN...

Thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Luật PBGDPL, Bộ Tư pháp đã tích cực tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật là: Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật PBGDPL, Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 quy định thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL và Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 05/7/2013 thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp Trung ương.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đang khẩn trương phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng 02 Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật, dự kiến ban hành trong quý III/2013: Thông tư thay thế Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05/11/2010 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL, Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL. Bên cạnh đó, Bộ đang xây dựng và chuẩn bị ban hành Công văn hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 09/11.

Trong thời gian tới, để tạo điều kiện cho các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ quan tâm hướng dẫn kịp thời trong quá trình tổ chức triển khai Luật; theo dõi, tổng hợp thông tin và có hướng giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp cần tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm để có giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại, đặc biệt là cần có văn bản quy định về kinh phí cho hoạt động của Câu lạc bộ pháp luật. Hiện chưa có quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất về cơ chế cấp và sử dụng kinh phí dành cho hoạt động của Câu lạc bộ 09 nên hiệu quả hoạt động chưa cao, nhiều Câu lạc bộ hầu như không có kinh phí để hoạt động. Cơ chế phối hợp triển khai thực hiện còn nhiều lúng túng và mang tính hình thức. Cần nhắc cho phép các địa phương, tùy vào đặc điểm tình hình có thể sáp nhập mô hình Câu lạc bộ 09 vào các Câu lạc bộ có chức năng, phương thức hoạt động tương tự (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Câu lạc bộ pháp luật là một trong những hình thức PBGDPL đã được triển khai từ nhiều năm nay, được các địa phương xây dựng rộng khắp ở xã, phường, thị trấn với những tên gọi khác nhau, góp phần tích cực cho công tác PBGDPL ở cơ sở. Thông qua giao lưu, sinh hoạt câu lạc bộ, người dân có điều kiện tiếp cận chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thuận lợi hơn, kịp thời hơn. Tuy nhiên tại nhiều địa phương hiện nay, bên cạnh các loại hình câu lạc bộ pháp luật còn có các mô hình câu lạc bộ khác. Với bản chất sinh hoạt tự nguyện của câu lạc bộ và thực trạng tồn tại này, khó tránh khỏi những bất cập, khó khăn nảy sinh từ thực tiễn xây dựng, quản lý và tổ chức hoạt động câu lạc bộ, đặc biệt là cơ chế phối hợp, kinh phí hoạt động...

Năm 2013, Bộ Tư pháp dự kiến rà soát, đánh giá hoạt động của các mô hình câu lạc bộ pháp luật để từ đó đề ra phương hướng, chỉ đạo, hướng dẫn cách thức hoạt động câu lạc bộ pháp luật có hiệu quả hơn. Trước mắt, căn cứ vào điều kiện thực tế và yêu cầu công tác PBGDPL, trên cơ sở đánh giá lại hiệu quả hoạt động của các loại hình câu lạc bộ pháp luật hiện có trên địa bàn mình, Sở Tư pháp tham mưu UBND chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức PBGDPL phù hợp, trong đó có câu lạc bộ pháp luật. Bên cạnh đó, Sở Tư pháp cần chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các mô hình câu lạc bộ trên địa bàn, có biện pháp tăng cường hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ, có thể thí điểm sáp nhập một số mô hình câu lạc bộ tương tự, tạo cơ sở đánh giá trước khi triển khai rộng rãi.

IV. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm tạo điều kiện cho Lãnh đạo các Sở Tư pháp, UBND ở địa phương được tham dự các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức theo chương trình hợp tác pháp luật với nước ngoài của Bộ Tư pháp (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Thời gian qua, trong quá trình tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài của Bộ, Bộ Tư pháp luôn cố gắng tạo điều kiện để các Sở Tư pháp tham gia. Tuy nhiên, để đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả theo tinh thần Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thành phần đoàn cũng cần phải có sự phù hợp tương đối với nội dung chuyên đi. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Bộ Tư pháp đã tổ chức 01 đoàn đi học tập tại Hà Lan về đào tạo quản lý hành chính công (sử dụng kinh phí Đề án 165) với sự tham gia của 02 đồng chí Giám đốc Sở Tư pháp.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục cố gắng để đẩy mạnh hơn nữa vai trò điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế trong phạm vi Bộ, Ngành Tư pháp; liên hệ hoặc hỗ trợ liên hệ với các đối tác để tìm kiếm cơ hội hợp tác cho các Sở Tư pháp địa phương. Tuy nhiên, đề nghị các Sở Tư pháp cũng chủ động đề xuất nhu cầu với Bộ Tư pháp (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) để có cơ sở đề trao đổi với các đối tác và điều phối các hoạt động đối ngoại.

V. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Đề nghị sớm sửa đổi Thông tư: Về các kỳ báo cáo; thời hạn gửi báo cáo thống kê và thẩm quyền ký một số biểu mẫu, báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, tổng kết của Sở Tư pháp (UBND tỉnh Phú Thọ).

Trả lời:

Hiện nay, việc xây dựng Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 05/4/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của Ngành Tư pháp đã hoàn thành; Bộ Tư pháp đã tiếp thu ý kiến góp ý bằng văn bản của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Tư pháp địa phương và đang được Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thẩm định về mặt chuyên môn nghiệp vụ đối với phần quy định về Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Luật Thống kê.

VI. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và công tác tư pháp của UBND cấp xã thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và Công tác Tư pháp của UBND cấp xã để có cơ sở kiện toàn tổ chức bộ máy Sở Tư pháp (UBND tỉnh Lào Cai, UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Phú Thọ, UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Nội vụ thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009. Hiện nay, dự thảo Thông tư liên tịch đã được xây dựng và đã được gửi xin ý kiến các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và các địa phương và đã được đưa ra thảo luận tại Hội nghị sơ kết công tác tư pháp 8 tháng đầu năm 2013. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ để chỉnh lý, hoàn thiện và sớm trình liên Bộ ký ban hành Thông tư liên tịch nói trên.

2. *Đề nghị bổ sung biên chế quản lý nhà nước cho các Sở Tư pháp thực hiện những nhiệm vụ mới như: Lý lịch tư pháp, Bồi thường của nhà nước, theo dõi thi hành pháp luật, đăng ký giao dịch bảo đảm (UBND tỉnh Phú Thọ).*

Trả lời:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp địa phương đã được giao thêm nhiều nhiệm vụ mới trong các lĩnh vực lý lịch tư pháp, trách nhiệm bồi thường của nhà nước, theo dõi thi hành pháp luật, đăng ký giao dịch bảo đảm. Việc bổ sung biên chế, bảo đảm đủ cán bộ triển khai nhiệm vụ luôn được Bộ Tư pháp quan tâm, đặc biệt, việc bổ sung biên chế, tăng cường đội ngũ cán bộ triển khai thực hiện các nhiệm vụ mới, cụ thể: Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 phê

duyet Đề án “Xây dựng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”; ngày 19/10/2011, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 18/2011/TTLT-BTP-BNV ngày 19/10/2011 hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức biên chế của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện về bồi thường nhà nước. Về phía Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp và Bộ Tư pháp đã có Công văn số 35-CV/BCSD ngày 06/5/2011 gửi Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị phối hợp triển khai Luật lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành, Công văn số 7093/BTP-BTN ngày 16/11/2011 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị bố trí biên chế tại Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp để thực hiện công tác bồi thường nhà nước và Công văn số 3520/BTP-BTN ngày 07/5/2012 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ về việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

Đồng thời, theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND, Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức thì việc xây dựng, thẩm định và phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính của địa phương thuộc trách nhiệm của UBND và HĐND cấp tỉnh. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cần chủ động, tích cực trong việc phối hợp với cơ quan có liên quan của địa phương xây dựng, lập kế hoạch biên chế cho triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, trình UBND cùng cấp phê duyệt, bố trí thực hiện.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác Tư pháp ở địa phương, chú trọng một số lĩnh vực mới triển khai thực hiện hoặc có nhiều khó khăn, vướng mắc như công tác theo dõi thi hành pháp luật, công tác pháp chế, công tác quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính; tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp ở cơ sở, đặc biệt về các lĩnh vực: Xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, theo dõi tình hình thi hành VBQPPL, công tác hộ tịch, công chứng, chứng thực, bán đấu giá tài sản đồng thời tăng cường công tác chỉ đạo điều hành đối với công tác tư pháp cơ sở (UBND tỉnh Phú Thọ, UBND tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh Yên Bái, UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

Năm 2013, theo Kế hoạch đã được phê duyệt, Bộ Tư pháp dự kiến tổ chức mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tại các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị từ kinh phí triển khai Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và tổ chức mở lớp bồi dưỡng tại các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Kạn, Bắc Giang, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị, Cà Mau từ kinh phí triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của

Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Đối với tỉnh Yên Bái, Bộ Tư pháp đã có Công văn gửi Sở Tư pháp đề nghị tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã để Bộ Tư pháp đưa vào chương trình hỗ trợ, tuy nhiên, Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái đã có phản hồi trong năm 2013, Sở không có kinh phí để phối hợp tổ chức mở lớp.

Đối với tỉnh Hà Nam, do không có huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ nên trong năm 2013, Bộ Tư pháp không thực hiện việc tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ tư pháp cơ sở.

Đối với việc biên soạn chương trình, lựa chọn chuyên đề tổ chức, Bộ Tư pháp căn cứ vào đề xuất của địa phương để xây dựng chương trình cụ thể. Năm 2013, chuyên đề về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thông tin pháp luật, xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát VBQPPL, công tác hộ tịch, chứng thực đều đã được đưa vào nội dung tổ chức mở lớp, tuy nhiên, tùy vào tình hình thực tế của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ lựa chọn chuyên đề để giảng dạy cho phù hợp với cán bộ Tư pháp cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay.

VII. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đề nghị sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định chức năng quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự của Sở Tư pháp (thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp, chính sách...) để thống nhất thực hiện trong phạm vi cả nước và ở từng địa phương (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 2153/QĐ-BTP ngày 27/8/2013 ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Cơ quan Tư pháp và Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương.

VIII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

1. *Đề nghị cần xem xét hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến chứng thực hiện đang tồn tại một phần thẩm quyền chứng thực tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã, sao cho phù hợp và đồng bộ với quy định pháp luật về công chứng (phần còn hiệu lực của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất) (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

Trả lời:

Sau khi Luật Công chứng có hiệu lực và Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 được ban hành thì hoạt động công chứng và chứng thực được phân biệt rạch ròi. Tuy nhiên, do hiện nay mạng lưới các tổ chức hành nghề công chứng chưa được “phủ sóng” ở các vùng miền trong cả nước, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa nên việc chuyển giao hợp đồng, giao dịch cũng chưa được

thực hiện đầy đủ đồng bộ trên tất cả địa bàn các tỉnh, thành phố. Do đó, hiện nay tại nhiều địa phương UBND cấp xã, cấp huyện vẫn thực hiện chứng thực một số loại hợp đồng, giao dịch.

Vì vậy, dự án Luật Chứng thực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ khóa XIII của Quốc hội. Sau khi Luật Chứng thực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất điều chỉnh hoạt động công chứng và chứng thực.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể về việc chứng thực bản sao đối với giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, các giấy tờ đó khi chứng thực có cần thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự hay không? (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự thì: Để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam, các giấy tờ, tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định này, đó là các trường hợp sau:

“1. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

2. Giấy tờ, tài liệu được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

3. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài.”

Như vậy, theo quy định này thì về nguyên tắc, để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam, các giấy tờ, tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự trước khi thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính, trừ những trường hợp thuộc Điều 9 của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP nêu trên.

Riêng đối với trường hợp giấy tờ, tài liệu cần dịch và yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch trong văn bản dịch thì không cần phải hợp pháp hóa lãnh sự trước khi chứng thực chữ ký người dịch trong bản dịch. Bởi vì, nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền hợp pháp hóa lãnh sự đã yêu cầu kèm theo bản chính (bản cần hợp pháp hóa) phải có cả bản dịch (có chứng thực chữ ký người dịch) thì mới thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng và sẽ xem xét và đưa nội dung quy định này vào Luật Chứng thực.

3. Điều 16, Nghị định số 79/2007/NĐ-CP quy định các trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính. Tuy nhiên, Khoản 5, Điều 16 quy định “Các giấy tờ, văn bản khác mà pháp luật quy định không được sao” nhưng đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể là những giấy tờ, văn bản nào không được sao, do đó địa phương khó áp dụng thực hiện. Đề nghị hướng dẫn rõ các giấy tờ nào không được sao theo quy định tại Khoản 5, Điều 16 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Để đảm bảo ổn định trong hoạt động hành chính, đảm bảo giá trị pháp lý của bản sao được chứng thực từ bản chính, Điều 16 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đã quy định những trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính, đó là:

- “1. Bản chính được cấp sai thẩm quyền hoặc giả mạo;*
- 2. Bản chính đã bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt hoặc đã bị hư hỏng, cũ nát không thể xác định rõ nội dung;*
- 3. Bản chính không được phép phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật;*
- 4. Đơn, thư và các giấy tờ do cá nhân tự lập không có chứng nhận, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;*
- 5. Các giấy tờ, văn bản khác mà pháp luật quy định không được sao.”*

Như vậy, khác với các quy định “cứng” tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4, quy định tại khoản 5 Điều 16 có tính chất “mềm”. Đó là quy định dự phòng những trường hợp giấy tờ, văn bản nào mà pháp luật có liên quan quy định không được sao thì người thực hiện chứng thực không được phép chứng thực bản sao từ bản chính. Vì, trên thực tế, các giấy tờ, văn bản có nội dung rất đa dạng, phong phú, ở nhiều lĩnh vực khác nhau nên Nghị định số 79/2007/NĐ-CP không quy định được hết các trường hợp giấy tờ, văn bản nào pháp luật quy định không được sao. Vì vậy, khi thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính, người thực hiện chứng thực cần dẫn chiếu các quy định pháp luật khác có liên quan đến giấy tờ, văn bản được yêu cầu chứng thực để khẳng định những giấy tờ, văn bản này không thuộc trường hợp không được sao theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 nói trên.

4. Trong thực tế, có một số giấy tờ như đơn thư của công dân có bút phê, chữ ký và đóng dấu bên lề của cơ quan tổ chức; bản trích lục sổ nghiệp chủ nhà có được xem là bản chính để chứng thực bản sao hay không? (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Khoản 4 Điều 16 Nghị định 79/2007/ND-CP đã quy định một trong các trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính là “*Đơn, thư và các giấy tờ do cá nhân tự lập không có chứng nhận, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền*”. Như vậy, đối với các trường hợp giấy tờ do cá nhân tự lập thì khi thực hiện chứng thực, người thực hiện chứng thực cần xem xét giấy tờ đó có chứng nhận, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không? Nếu có thì vẫn thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính.

IX. LĨNH VỰC BÔ TRỢ TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ quan tâm đầu tư xây dựng phần mềm quản lý công chứng (nhất là việc kết nối giữa cơ quan hỗ trợ tư pháp với các Phòng công chứng, Văn phòng công chứng, các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và các tổ chức tín dụng để hạn chế những rủi ro, thất thoát về tài sản) (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Điều 37 Luật Công chứng quy định về thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản như sau: “*Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng các hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở*”.

Để tăng cường kết nối thông tin, bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2013/ND-CP ngày 07/1/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Tại điều 16 Nghị định số 04/2013/ND-CP đã quy định cụ thể về việc xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng như sau:

“1. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng phải được xây dựng thành cơ sở dữ liệu tin học hóa tập trung thống nhất tại Sở Tư pháp để phục vụ cho việc cung cấp thông tin trong hoạt động công chứng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng và ban hành quy chế khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin. Dữ liệu này giữa các tổ chức hành nghề công chứng trong phạm vi địa phương mình và cung cấp thông tin trong trường hợp có yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm cung cấp thông tin về đất đai theo yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng phục vụ cho việc công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng ban hành Quy chế cung cấp thông tin về đất, nhà giữa các cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà với tổ chức hành nghề công chứng.”

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công chứng, Chính phủ đã giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hơn nữa, việc xây dựng cơ sở này cần phải bắt đầu từ các địa phương vì thẩm quyền công chứng là địa hạt cấp tỉnh. Hiện nay, tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và một số tỉnh khác đã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về công chứng. Đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên và các tỉnh, thành phố khác cần quan tâm, chỉ đạo các sở ngành có liên quan sớm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin chung về công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP. Trong quá trình xây dựng có thể tham khảo cách thức xây dựng cơ sở dữ liệu của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm chỉ đạo các cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất ở địa phương tăng cường phối hợp trong công tác này.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp đồng thời hướng dẫn kịp thời việc triển khai Luật Giám định tư pháp mới được ban hành, có hiệu lực năm 2013 (UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Hà Nam, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

- Về việc ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp

Ngày 29/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2013.

- Về việc triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp

Để bảo đảm việc triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp được thống nhất và có hiệu quả, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Kế hoạch số 1549/QĐ-TTg ngày 16/10/2012 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp gửi các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước. Tiếp đó, ngày 13/12/2012, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3862/QĐ-BTP về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp. Trên cơ sở đó, ngày 07/01/2013, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp vào ngày 26/02/2013 tại Hà Nội đối với khu vực miền Bắc và ngày 01/3/2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với khu vực miền Nam (Quyết định số 43/QĐ-BTP). Hội nghị triển khai Luật dự kiến được thực hiện sau khi Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật giám định tư pháp được ban hành để bảo đảm nội dung triển khai được toàn diện.

Để triển khai thi hành Luật giám định tư pháp, Bộ Tư pháp đã thường xuyên nắm bắt thông tin và hướng dẫn kịp thời các địa phương (bằng văn bản hoặc bằng điện thoại) về các nội dung của Luật giám định tư pháp, nhất là những khó khăn, vướng mắc theo yêu cầu của từng địa phương.

Trên cơ sở tập hợp những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong việc triển khai thực hiện Luật giám định tư pháp, ngày 14/6/2013, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 4713/BTP-BTTP gửi tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật giám định tư pháp.

3. Tham mưu Chính phủ ban hành văn bản quy định chi phụ cấp nghề cho đầu giá viên (UBND tỉnh Phú Thọ).

Trả lời:

Hiện nay đầu giá viên đang làm việc tại các doanh nghiệp bán đầu giá hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Trung tâm dịch vụ bán đầu giá là đơn vị sự nghiệp hoạt động theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 05/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa, Điều 4 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp để phát huy mọi khả năng trong hoạt động của đơn vị. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ về bán đầu giá tài sản ban hành cùng với chủ trương xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động bán đầu giá tài sản. Điểm b Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP quy định Sở Tư pháp xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ bán đầu giá sang mô hình doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành phố có từ 02 doanh nghiệp đầu giá trở lên. Theo báo cáo của các Sở Tư pháp và qua trao đổi thì đến nay trong tổng số 63 Trung tâm thì có 14 Trung tâm tự chủ 100%; 09 Trung tâm vẫn bao cấp hoàn toàn còn lại 40 Trung tâm đã tự chủ một phần. Trong thời gian tới các Trung tâm dịch vụ bán đầu giá tài sản sẽ chuyển sang mô hình doanh nghiệp, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và khi chuyển sang doanh nghiệp thì không quy định phụ cấp đối với đầu giá viên.

4. Đề nghị nghiên cứu và đánh giá một cách toàn diện Luật Công chứng, Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 và các quy định pháp luật có liên quan đến công chứng để sớm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo hướng quy định cụ thể, chặt chẽ, đầy đủ đối với các quy định về tiêu chuẩn công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, trình tự thủ tục công chứng, quản lý nhà nước về công chứng, tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng viên... hình thức từ Phòng Công chứng sang Văn phòng Công chứng (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật công chứng đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương

trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII theo Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội. Thực hiện Chương trình này, Dự án Luật đã được triển khai xây dựng từ Quý II năm 2012 và hiện đang trong quá trình thực hiện. Một trong những nội dung công việc của Dự án là tổng kết, đánh giá toàn diện những kết quả đạt được và những tồn tại, vướng mắc sau 5 năm thi hành Luật công chứng. Ngày 12/3/2013, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị trực tuyến về tổng kết 5 năm thi hành Luật Công chứng và tổng kết công tác chứng thực tại 5 điểm cầu Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và Yên Bái. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng cho việc sửa đổi, bổ sung Luật công chứng 2006. Ngày 10/5/2013, Bộ Tư pháp có Công văn số 3560/BTP-BTTP đề nghị đóng góp ý kiến bằng văn bản về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật công chứng, hiện Dự thảo đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến.

Nghị định số 02/2008/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/1/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Nghị định số 04/2013/NĐ-CP đã được xây dựng trên cơ sở tổng kết những mặt được và chưa được của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP cũng như những yêu cầu thực tiễn của hoạt động công chứng có thể được quy định trong phạm vi của một Nghị định. Việc triển khai Nghị định số 04/2013/NĐ-CP sẽ được tiến hành trong thời gian tới cùng với một số văn bản pháp luật khác trong lĩnh vực công chứng mới được ban hành.

Bộ Tư pháp đã và đang tiến hành tổng kết, đánh giá sự phù hợp, tương thích của các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực công chứng để tự mình hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế những quy định chưa phù hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho hoạt động công chứng.

5. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23/7/2009 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tư pháp, bổ sung thêm các hành vi xử phạt trong lĩnh vực công chứng, giám định mà Nghị định 60/CP chưa đề cập và tăng hình thức xử phạt theo hướng tăng nặng các chế tài để xử lý vi phạm trong hoạt động công chứng của công chứng viên, của tổ chức hành nghề công chứng như cạnh tranh không lành mạnh, quảng cáo sai quy định, công chứng ngoài trụ sở... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời bổ sung chế tài để xử lý hành vi vi phạm quy định về trình tự, thủ tục bán đấu giá, các hành vi vi phạm về sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá. Vì hiện nay, Nghị định số 60/2009/NĐ-CP quy định còn thiếu nhiều hành vi vi phạm trong lĩnh vực bán đấu giá chưa có chế tài xử phạt, đồng thời mức xử phạt còn quá nhẹ so với những hành vi vi phạm nhất là những vi phạm trong trình tự, thủ tục về bán đấu giá do hậu quả xảy ra đối với những hành vi vi phạm này là rất lớn (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Hiện nay, Nghị định thay thế Nghị định số 60/2009/NĐ-CP đang được Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng. Các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp là Vụ Bổ trợ tư pháp cũng đã và đang phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Bộ là đơn vị trực tiếp soạn thảo Nghị định này trong việc rà soát, nghiên cứu và đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định đối với những lĩnh vực về bổ trợ tư pháp (công chứng, giám định, luật sư, tư vấn pháp luật, bán đấu giá tài sản và trọng tài thương mại) nhằm đảm bảo tính phù hợp của các quy định này. Hiện, dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự và phá sản doanh nghiệp [Hợp tác xã đã được trình Chính phủ xem xét, ban hành.

6. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để có thể dung hòa và bảo đảm sự bình đẳng giữa Phòng Công chứng và Văn phòng công chứng, giữa công chứng viên là viên chức nhà nước với công chứng viên không phải là viên chức nhà nước. Trước mắt, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTP-BTC, trong đó quy định áp dụng cơ chế tài chính của các Phòng Công chứng thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính tương tự như các Văn phòng công chứng nhằm tạo ra sự bình đẳng giữa các tổ chức hành nghề công chứng, đồng thời để các Phòng công chứng có điều kiện đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công việc, nâng cao thu nhập của cán bộ, viên chức, người lao động (Sơ Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Phòng công chứng do Nhà nước thành lập, là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp, chế độ tài chính được áp dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Văn phòng công chứng do công chứng viên thành lập, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính bằng nguồn thu từ kinh phí đóng góp của công chứng viên và phí công chứng, thù lao công chứng và các nguồn thu hợp pháp khác. Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, trong trường hợp cần thiết sẽ sửa đổi, bổ sung những quy định về vấn đề này.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư (Sơ Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 734/QĐ-BTP ngày 03/4/2013 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đang xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm Luật được triển khai thống nhất, hiệu quả.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm làm việc với Bộ Công an nhằm chi trả tiền bồi dưỡng cho những người hoạt động trong lĩnh vực Giám định tư pháp trong từng vụ việc theo đúng Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 về bồi dưỡng Giám định tư pháp. Thông tư 114/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày

12/8/2011 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí Giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Trong quá trình thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và phí giám định pháp y, Bộ Tư pháp đã từng trao đổi, làm việc với Bộ công an cũng như một số Bộ, ngành có liên quan về vấn đề này. Tiếp đó, ngày 28/11/2012, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 9513/BTP-BTTP đề nghị Bộ Công an nghiên cứu, có phương án giải quyết các vướng mắc, khó khăn để bảo đảm thực hiện đúng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo Quyết định số 74/QĐ-TTg và phí giám định pháp y theo Thông tư 114/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/8/2011 quy định mức thu, nộp và quản lý phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y gửi Bộ Công an nghiên cứu giải quyết. Trong Công văn số 712/BTP-BTTP ngày 24/01/2013 gửi các Bộ, ngành và địa phương, trong đó có Bộ Công an, ngoài nội dung chung đánh giá tình hình thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, Bộ Tư pháp còn đề nghị riêng Bộ Công an báo cáo thêm về thông tin, số liệu thực tế từ năm 2010 đến năm 2012 về tổng số vụ trung cầu giám định tư pháp trên tổng số án hình sự, trong đó phân tách số liệu trung cầu giám định của từng năm theo từng lĩnh vực giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, tài chính, văn hóa, xây dựng, thông tin - truyền thông, nông - lâm - ngư nghiệp, tài nguyên - môi trường, giao thông... ; số tiền dự toán, số tiền được cấp phát và tổng số tiền mà cơ quan điều tra các cấp trong lực lượng công an nhân dân phải chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp của từng năm, trong đó có số tiền đã thanh toán, chi trả cũng như số tiền đến nay còn nợ, chưa chi trả.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đôn đốc, làm việc với Bộ Công an về các vấn đề có liên quan để có biện pháp bảo đảm khắc phục tình trạng chi trả không đầy đủ, không kịp thời, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng tiền bồi dưỡng giám định tư pháp và phí giám định pháp y của các cơ quan điều tra.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát lại các quy định về việc cấp thẻ đấu giá viên, qua đó có quyết định về việc thu hồi thẻ đấu giá viên đối với những trường hợp đấu giá viên không hoạt động trong doanh nghiệp đấu giá hoặc Trung tâm bán đấu giá của Sở Tư pháp theo Nghị định 17/2010/NĐ-CP (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Về vấn đề này Bộ Tư pháp thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản thì Sở Tư pháp là đơn vị tiếp nhận thông tin về các trường hợp thuộc đối tượng bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá (Thẻ đấu giá viên trước đây) trên địa bàn quản lý; có trách nhiệm tiến hành xác minh để đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ, kèm theo các giấy tờ chứng minh người đó thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ. Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp thành phố Đà

Năng chủ động tiến hành rà soát các dấu giá viên trên địa bàn và đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ đối với những trường hợp cụ thể (nếu có).

10. Một số doanh nghiệp hiện nay vừa đăng ký kinh doanh lĩnh vực thẩm định giá, vừa đăng ký hoạt động bán dấu giá hoặc thành lập thêm các doanh nghiệp trực thuộc có đăng ký hoạt động bán dấu giá, việc này trên thực tế rất dễ dẫn đến việc vừa định giá, vừa bán dấu giá tài sản nên gây thất thoát tài sản, gây thiệt hại cho người có tài sản nhất là trong lĩnh vực bán dấu giá tài sản thi hành án, tài sản xử lý nợ vay, tài sản nhà nước... Hoạt động bán dấu giá là hoạt động mang tính đặc thù nghề nghiệp, dấu giá viên được cấp chứng chỉ hành nghề thì phải hoạt động mang tính chuyên trách, doanh nghiệp hoạt động bán dấu giá cũng phải mang tính chuyên trách gắn liền với hoạt động nghề nghiệp. Vì vậy, đề nghị sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo hướng chỉ cho phép doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh lĩnh vực bán dấu giá tài sản hoặc kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá mà không đăng ký kinh doanh nhiều lĩnh vực khác (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Đề xuất của Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp không thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu đề xuất này trong quá trình xây dựng Luật Dấu giá cũng như tham gia xây dựng đề hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp, trong đó sẽ cân nhắc các điều kiện đăng ký và hoạt động của doanh nghiệp bán dấu giá tài sản theo hướng chuyên ngành dịch vụ bán dấu giá.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương rà soát các quy định về bán dấu giá tài sản với các quy định pháp luật có liên quan, tiến hành sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ, thống nhất; tham mưu Chính phủ xây dựng Luật Bán dấu giá tài sản. Trước mắt, Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 17/2010/NĐ-CP theo hướng quy định chặt chẽ hơn đối với việc thành lập doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp bán dấu giá tài sản; điều kiện, tiêu chuẩn dấu giá viên, việc miễn đào tạo nghề dấu giá, giảm thời hạn đào tạo nghề dấu giá; cấp chứng chỉ hành nghề dấu giá, cấp thẻ dấu giá viên (UBND tỉnh Hải Dương).

Trả lời:

Rà soát các quy định về bán dấu giá tài sản với các quy định của pháp luật liên quan là công việc cần thiết và thực hiện thường xuyên trong hoạt động của Bộ Tư pháp. Hiện nay, lĩnh vực bán dấu giá tài sản được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau (Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP...). Qua kết quả rà soát, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã kịp thời phát hiện và kiến nghị các Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, khắc phục những bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành về bán dấu giá tài sản với các quy định của pháp luật liên quan (VD: dân sự, đất đai...). Để đánh giá tình hình thi hành Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức Đoàn khảo sát liên ngành tại một số địa phương (trong đó có Hải Dương) và đã có chỉ đạo trước mắt tiếp tục triển khai thi hành Nghị định

số 17/2010/ND-CP, nghiên cứu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đề xuất hoàn thiện thể chế pháp luật về bán đấu giá tài sản ở tầm đạo luật trong thời gian tới.

Dự án Luật Đấu giá tài sản đã được đưa vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh Quốc hội khóa XIII, dự kiến soạn thảo trong năm 2014, trình Quốc hội thông qua năm 2015.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xác định giá khởi điểm cho sát với giá thị trường khắc phục tình trạng thông đồng giá (UBND tỉnh Hải Dương).

Trả lời:

Trong quá trình triển khai Nghị định số 17/2010/ND-CP ngày 04/3/2010 về bán đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đã chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng các quy định liên quan đến xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong bán đấu giá. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn theo thẩm quyền. Đối với những khó khăn, vướng mắc cụ thể, Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh Hải Dương có công văn xin hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Liên tịch hướng dẫn công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất như trình tự, thủ tục, việc niêm yết công khai... tạo cơ sở cho các địa phương áp dụng thống nhất việc quản lý nhà nước cũng như việc triển khai thực trình tự thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng đất (UBND tỉnh Hải Dương).

Trả lời:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2011 đến nay, Bộ Tư pháp đã chủ động, tích cực phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo Thông tư liên tịch về bán đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do đây là Thông tư với nhiều nội dung phức tạp, quan điểm của hai Bộ chưa thống nhất về một số nội dung cơ bản và thời điểm ban hành Thông tư. Do đó, Thông tư liên tịch về bán đấu giá quyền sử dụng đất đến nay vẫn chưa được ban hành. Trong năm 2013, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư này để hướng dẫn cụ thể việc bán đấu giá quyền sử dụng đất tại các địa phương.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp hàng năm quan tâm mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý nhà nước, đội ngũ đấu giá viên ở địa phương; quan tâm xây dựng quy tắc chuẩn mực đạo đức cho đội ngũ đấu giá viên nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên (UBND tỉnh Hải Dương).

Trả lời:

Nguồn nhân lực đấu giá là một trong những nguyên nhân cơ bản quyết định chất lượng hoạt động bán đấu giá tài sản. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Bộ Tư pháp đã xây dựng và ban hành Đề án "Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013 - 2015 định hướng đến năm 2020" theo Quyết

định số 1076/QĐ-BTP ngày 10/5/2013 trong đó có các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng quy tắc đạo đức nghề đấu giá nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên và cán bộ quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản ở địa phương.

Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn cụ thể UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

XI. LĨNH VỰC GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn về trình tự, thủ tục giao dịch bảo đảm đối với tài sản được hình thành trong tương lai cụ thể như tài sản tại các khu công nghiệp, nhà ở tại các khu dân cư... (UBND tỉnh Sóc Trăng).

Trả lời:

Pháp luật hiện hành đã có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản hình thành trong tương lai (trừ nhà ở), cụ thể là:

- Trong trường hợp tài sản hình thành trong tương lai là động sản thuộc các khu công nghiệp thì trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo quy định tại *Thông tư số 05/2011/TT-BTP* ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

- Trong trường hợp tài sản hình thành trong tương lai là tài sản gắn liền với đất (không phải là nhà ở) thuộc các khu công nghiệp thì trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo quy định tại *Thông tư số 20/2011/TT-LT/BTP-BTNMT* ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Đối với trường hợp tài sản bảo đảm là nhà ở hình thành trong tương lai: Thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 13/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật về giao dịch bảo đảm, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng *Thông tư liên tịch hướng dẫn về đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai và việc chuyển tiếp thời điểm đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai với thời điểm đăng ký thế chấp nhà ở được hình thành* (dự kiến Thông tư liên tịch sẽ ký ban hành vào quý III/2013).

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các ngành liên quan ban hành các văn bản về quy trình xử lý tài sản bảo đảm theo cái cách thi hành chính nhằm bảo vệ cho bên nhận tài sản bảo đảm khi bên bảo đảm không thực hiện đúng cam kết khi tham gia ký kết hợp đồng (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn về xử lý tài sản bảo đảm. Việc ban hành Thông tư liên tịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm góp phần giảm tỷ lệ nợ xấu và hàng tồn kho cho cộng đồng doanh nghiệp theo tinh thần của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 17/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Đến thời điểm hiện nay, Bộ Tư pháp đang chỉ đạo Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (đơn vị được giao chủ trì soạn thảo) khẩn trương tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo Thông tư của các Bộ, ngành để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ký ban hành.

3. Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất và con người thực hiện công tác giao dịch bảo đảm (Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Qua theo dõi cho thấy, điều kiện vật chất và nhân lực thực hiện nhiệm vụ đăng ký giao dịch bảo đảm tại các địa phương (đặc biệt là cấp huyện) bước đầu đã có sự quan tâm, nhưng hiện vẫn còn rất nhiều khó khăn cần tiếp tục tập trung tháo gỡ. Thực hiện chức năng giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực để Sở Tư pháp, các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nhằm góp phần nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ đăng ký. Ngoài ra, thông qua hoạt động kiểm tra liên ngành được thực hiện hàng năm, Bộ Tư pháp sẽ kiến nghị UBND các cấp quan tâm, đầu tư hơn nữa cho công tác đăng ký giao dịch bảo đảm.

XII. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đề nghị sớm hoàn thiện phần mềm quản lý lý lịch tư pháp để thực hiện thống nhất trong toàn quốc (UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Cho đến nay, hầu hết các Sở Tư pháp đã sử dụng Phần mềm Lý lịch tư pháp dùng chung phục vụ cho công tác quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương mình, trong đó có Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên. Chỉ còn Sở Tư pháp Hòa Bình là chưa sử dụng phần mềm do thiếu nhân sự. Ngày 26/4/2013, Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên đã cử cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp trực tiếp đến Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) để tập huấn về khai thác, sử dụng Phần mềm. Sau khi tập huấn, Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên đã ứng dụng Phần mềm vào công tác quản

lý lý lịch tư pháp tại Sở. Theo ý kiến của Sở Tư pháp Hưng Yên thì Phần mềm đã đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ tại Sở. Hiện nay, Sở Tư pháp Hưng Yên đã cập nhật 590 hồ sơ lên Hệ thống.

Mặt khác, hiện nay, Bộ Tư pháp đã xây dựng Dự thảo Quy trình trao đổi thông tin từ các Sở Tư pháp lên Bộ Tư pháp (Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia) và ngược lại. Ngày 20/6/2013, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp đã có Công văn số 275/TTLT.TPQG-DI.LLTP gửi các Sở Tư pháp đề lấy ý kiến đóng góp vào quy trình này. Ý kiến góp ý của các Sở Tư pháp sẽ là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện các Quy trình này, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại cơ quan chuyên môn của Bộ Tư pháp là Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp. Sau khi Quy trình trao đổi trên được chính thức ban hành, các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia) sẽ tiếp tục phối hợp để hoàn chỉnh phần mềm.

XIII. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý quan tâm, chú trọng đến công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ trợ giúp viên, cộng tác viên, chuyên viên (UBND thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật mới và kỹ năng TGPI, hàng năm, Bộ Tư pháp (Cục TGPI) thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý (trung bình 02 khóa/năm, mỗi khóa từ 60 -80 người) và 04-05 lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ TGPI, thường xuyên theo khu vực. Riêng trong 06 tháng đầu năm 2013, Cục TGPI đã tổ chức được 03 đợt tập huấn tại ba miền và 01 lớp bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý. Ngoài ra, Bộ Tư pháp còn chỉ đạo Cục TGPI nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ TGPI cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn để nâng cao năng lực, trình độ của người thực hiện TGPI trong toàn quốc. Căn cứ nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ công tác TGPI, trên cơ sở nội dung đã được Cục TGPI tập huấn, các Trung tâm cần chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tập huấn thường xuyên đội ngũ người thực hiện TGPI cho phù hợp với yêu cầu công việc và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Do hạn chế về kinh phí, Cục TGPI chỉ tổ chức được các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo hoặc một số Trợ giúp viên pháp lý, Cộng tác viên TGPI, mà không thể tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho tất cả đội ngũ người thực hiện TGPI ở địa phương. Để nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ người thực hiện TGPI ở địa phương, các Trung tâm cần chủ động, có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng TGPI cho người thực hiện TGPI ở địa phương.

UBND tỉnh cần hỗ trợ kinh phí tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật mới và nâng cao trình độ nghiệp vụ TGPI. ở địa phương đề Sở Tư pháp chỉ đạo Trung tâm tham mưu tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho người thực hiện TGPI. tại địa phương theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.

2. Đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp tiếp tục huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức cá nhân trong nước và ngoài nước để hỗ trợ nguồn kinh phí cho các địa phương triển khai hoạt động trợ giúp pháp lý đạt hiệu quả hơn; duy trì và nâng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ để các cán bộ của Trung tâm có điều kiện học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Lào Cai).

Trả lời:

- Về huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động TGPI: trước năm 2010, Bộ Tư pháp (Cục TGPI) đã tranh thủ sự giúp đỡ từ các tổ chức quốc tế để huy động các nguồn tài trợ cho hoạt động TGPI. ở Việt Nam, thông qua Dự án “Hỗ trợ hệ thống TGPI. tại Việt Nam, giai đoạn 2005 - 2009”. Dự án đã khắc phục những khó khăn, vướng mắc nhất là về tài chính trong điều kiện hoạt động TGPI. ở Việt Nam mới hình thành và phát triển cần được ưu tiên hỗ trợ, tài trợ. Tuy nhiên, sau khi nước ta tuyên bố thoát khỏi nước nghèo, các tổ chức quốc tế đã chuyển các nguồn hỗ trợ sang các nước nghèo hơn, đặc biệt trong hoàn cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn nên rất khó thu hút các nguồn tài trợ từ phía các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Để bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật TGPI, những năm qua Chính phủ và các địa phương đã quan tâm đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác này thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn II (Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg) và cấp kinh phí bảo đảm hoạt động hàng năm cho cơ quan TGPI. nhà nước theo Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức TGPI. nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg), từ năm 2011 đến năm 2013 ngân sách trung ương đã hỗ trợ: 2.792.200.000 đồng (năm 2011: 974.000.000 đồng; năm 2012: 892.800.000 đồng; năm 2013: 925.400.000 đồng) cho Sở Tư pháp và Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Hàng năm, Quỹ TGPI. Việt Nam (trực thuộc Cục TGPI. - Bộ Tư pháp) cũng đã hỗ trợ cho các địa phương có khó khăn về kinh tế thuộc diện ngân sách Trung ương phải hỗ trợ qua nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Quỹ trong đó Trung tâm TGPI. tỉnh Lào Cai cũng nằm trong diện được hỗ trợ từ nguồn kinh phí của Quỹ TGPI. Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2013 là: 220.800.000

đồng (năm 2011: 75.000.000 đồng; năm 2012: 97.000.000 đồng; năm 2013: 48.800.000 đồng).

Ngày 24/12/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về chính sách TGPI cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020 (Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg) (năm ngoài các xã được hưởng theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg). Theo Quyết định này, ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách để triển khai hoạt động trong đó Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai nằm trong diện được ngân sách Trung ương hỗ trợ. Trên cơ sở dự toán của tỉnh, Bộ Tư pháp đã tổng hợp dự toán 06 tháng cuối năm 2013 gửi Bộ Tài chính thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bên cạnh việc đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác TGPI, việc huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác TGPI để giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước cũng đã và đang được Bộ Tư pháp chú trọng nghiên cứu, triển khai thực hiện. Về thể chế, trong năm 2013, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý. Sau khi Đề án được ban hành, Bộ Tư pháp sẽ cùng các Bộ, ngành triển khai các giải pháp cụ thể để huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước cho hoạt động TGPI. Bộ Tư pháp cũng đang nghiên cứu xây dựng các chương trình, chính sách hợp tác quốc tế về lĩnh vực pháp luật về nhân quyền, trong đó có TGPI.

- Về hỗ trợ kinh phí cho các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý:

Theo Luật TGPI, UBND tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác TGPI của địa phương (trong đó có kinh phí cho việc sinh hoạt các Câu lạc bộ TGPI). Từ năm 2010, trong điều kiện dự án hợp tác quốc tế về TGPI và các Chương trình giảm nghèo kết thúc, các Câu lạc bộ TGPI tại các xã nghèo không được hỗ trợ kinh phí sinh hoạt (2.000.000/năm), Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2372/BTP-TGPI ngày 29/4/2012 đề nghị UBND tỉnh quan tâm, hỗ trợ nguồn kinh phí này. Để tiếp tục thực hiện các Chương trình giảm nghèo trong giai đoạn mới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg. Theo hai Quyết định này, ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh có huyện nghèo, các tỉnh có xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn chưa tự cân đối được ngân sách thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý với định mức 6.000.000 đồng/ xã/ năm.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách cho cán bộ, viên chức Trung tâm TGPI NN được hưởng chế độ phụ cấp công vụ như công chức vì Trung tâm TGPI NN là đơn vị sự nghiệp không có thu để động viên cán bộ, viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý thực hiện nhiệm vụ (UBND tỉnh Phú Thọ, UBND tỉnh Sóc Trăng, UBND tỉnh Lào Cai).

Trả lời:

Về vấn đề này đang được Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chế độ, chính sách đối người làm công tác TGPL theo chế độ đối với đơn vị sự nghiệp hoạt động hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước trong năm 2013.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục TGPL có kế hoạch cấp kinh phí theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày từ đầu năm để chủ động trong triển khai thực hiện (UBND tỉnh Phú Thọ).

Trả lời:

Sau khi Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg được ban hành, việc triển khai thực hiện chậm do cơ chế tạm ứng, cấp phát, quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí được ban hành chậm, trong khi Quốc hội, Chính phủ đã thông qua dự kiến phân bổ ngân sách nhà nước năm 2011 nên phải chờ Quốc hội điều chỉnh bổ sung ngân sách trong 6 tháng cuối năm 2011, vì vậy, kinh phí hỗ trợ thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg trong năm 2011 được cấp muộn làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện. Do cơ chế thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg phức tạp, triển khai thực hiện với thời gian ngắn, các địa phương được hỗ trợ chậm báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo tài chính ảnh hưởng đến việc duyệt dự toán và cấp phát kinh phí do phải chờ Quyết định điều chỉnh kinh phí từ năm 2011 sang năm 2012. Năm 2012, kinh phí thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg được Bộ Tài chính phân bổ tháng 6/2012 nên Kế hoạch hỗ trợ kinh phí năm 2012 muộn hơn so với năm ngân sách và việc phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động ở địa phương thường chậm, phần nào gây khó khăn cho các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, vùng có thời tiết không thuận lợi.

Để khắc phục những khó khăn trên, ngay từ đầu năm 2013 Bộ Tư pháp đã cấp kinh phí cho các địa phương thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg.

XIV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các Hội nghị tập huấn công tác bồi thường nhà nước để các Bộ và cơ quan có trách nhiệm triển khai tốt công tác này. Bởi vì: Bồi thường của Nhà nước là công tác mới, phức tạp. Qua 3 năm từ năm 2010 đến hết năm 2012, công tác thông tin, tuyên truyền về Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước vẫn còn thiếu tính hệ thống, thiếu sự gắn kết, phối hợp giữa các cấp; hình thức tuyên truyền chưa thực sự phong phú, hấp dẫn; nhiều nơi còn thiếu sự quan tâm, thực hiện chưa thực sự thường xuyên, liên tục, thiếu chiều sâu; nội dung tuyên truyền còn đơn giản, không đồng đều. Do đó, công tác tuyên truyền, giáo dục về Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước chưa đạt được hiệu quả cao, chưa tạo được sự tác động làm thay đổi căn bản nhận thức của cán bộ, công chức, công nhân viên chức trong ngành (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Thứ nhất, căn cứ vào Mục 1 Chỉ thị số 1565/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/10/2009 về triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường

của Nhà nước, thì “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: Tổ chức triển khai việc tuyên truyền, phổ biến Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN) đến mọi tổ chức, cá nhân trong phạm vi Bộ, ngành, địa phương mình”. Theo đó, nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền phổ biến Luật TNBTCNN không chỉ là nhiệm vụ của riêng Bộ Tư pháp mà các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình cũng có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền Luật TNBTCNN trong phạm vi Bộ, ngành mình. Vì vậy, để bảo đảm được hiệu quả công tác phổ biến tuyên truyền các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước cần có sự chủ động, phối hợp và nỗ lực của các Bộ, ngành, các cấp chứ không chỉ riêng nỗ lực của Bộ Tư pháp.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật TNBTCNN vẫn chưa được quan tâm đúng mức nên tại một số cơ quan, đơn vị việc tuyên truyền, phổ biến Luật TNBTCNN chưa thực sự được thực hiện hiệu quả, có chiều sâu (Ví dụ, ở nhiều Hội nghị quán triệt, tuyên truyền Luật, thời lượng, nội dung dành cho việc tuyên truyền Luật TNBTCNN là rất ít, báo cáo viên không phải là những người có chuyên môn sâu về pháp luật bồi thường nhà nước).

Thứ ba, còn có tâm lý e ngại và cho rằng nếu tuyên truyền, phổ biến Luật TNBTCNN đến người dân thì sẽ làm phát sinh nhiều khiếu kiện yêu cầu bồi thường. Do đó, trên thực tế, còn một số địa phương chưa chú trọng thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền Luật TNBTCNN đến người dân hoặc có thực hiện nhưng mang tính hình thức.

Thứ tư, do chưa có nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước nên tại một số Bộ, ngành địa phương chưa bố trí cán bộ phù hợp để phụ trách công tác này, tình trạng không tham gia đầy đủ và trọn vẹn các Hội nghị, Hội thảo cũng như các buổi Tọa đàm do đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) hoặc Bộ Tư pháp tổ chức còn tồn tại. Sau khi tham dự các Hội nghị, Hội thảo cũng như Tọa đàm đó, các cán bộ, công chức chưa tích cực tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị, ngành mình thực hiện việc phổ biến Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn trong các lĩnh vực, địa phương do mình quản lý v.v...

Nhằm đẩy mạnh, thực hiện có hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ phổ biến tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tư pháp có một số đề xuất như sau:

1. Cần thống nhất nhận thức về ý nghĩa, vai trò của Luật TNBTCNN, theo đó, làm tốt công tác bồi thường nhà nước không có nghĩa là nhà nước phải bồi thường nhiều hơn mà giúp nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong khi thi hành công vụ với tinh thần để tránh việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì cán bộ, công chức không thực hiện hành vi trái pháp luật trong thi hành công vụ.

2. Các tổ chức pháp chế của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh cần chủ động tham mưu, đề xuất với Lãnh đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân

tính đó ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện việc phổ biến tuyên truyền các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong nội bộ quản lý của Bộ, ngành và địa phương mình.

3. Các Bộ ngành, và Ủy ban nhân dân các tỉnh cần phân công đầy đủ cán bộ, công chức phụ trách về công tác bồi thường và yêu cầu những cán bộ, công chức này tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn kỹ năng nghiệp vụ để có thể phổ biến, tuyên truyền lại các văn bản về pháp luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước tại đơn vị mình hoặc lĩnh vực mình phụ trách. Đối với những lĩnh vực đặc thù trong phạm vi quản lý của mình, các Bộ, ngành và địa phương cần chủ động nghiên cứu và phối hợp với Bộ Tư pháp để có những hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp để bảo đảm hiệu quả của hoạt động phổ biến, tuyên truyền.

4. Khi Bộ ngành và địa phương có nhu cầu phổ biến, tuyên truyền pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước trong phạm vi do mình quản lý thì đề xuất đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) báo cáo Lãnh đạo Bộ cử báo cáo viên hỗ trợ các hoạt động này.

XV. LĨNH VỰC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đề nghị tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính theo hướng loại bỏ các thủ tục không cần thiết, trùng lặp (UBND tỉnh Lâm Đồng, thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Theo quy định tại Chương V, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính là hoạt động thường xuyên thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương để phát hiện, loại bỏ, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và không hiệu quả. Theo đó, hàng năm, các Bộ, ngành, địa phương sẽ phải xây dựng và thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý. Trên cơ sở kết quả rà soát, các cơ quan này sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính và quy định có liên quan đến thủ tục hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính và quy định có liên quan đến thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc căn cứ vào yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trọng tâm¹ để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

¹ Năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2012 phê duyệt kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2012 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

XVI. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Công tác phối hợp xác minh tại Công an, Tòa án, Viện kiểm sát hiện đang gặp khó khăn do thời gian quy định rất ngắn trong khi sự chỉ đạo theo ngành dọc chưa cụ thể. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để có sự chỉ đạo thống nhất (UBND thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại Sở Tư pháp.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đặt ra yêu cầu không chỉ tiếp nhận, cập nhật và xử lý thông tin lý lịch tư pháp từ ngày Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực (ngày 01/7/2010) mà còn phải cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp đã có từ trước. Để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động quản lý lý lịch tư pháp, đồng thời tạo thuận lợi cho việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, Luật Lý lịch tư pháp xác định rõ nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Nhằm triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp hiệu quả, ngày 23/11/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Tiếp đó, ngày 10/5/2012, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 04). Thông tư liên tịch số 04 đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đầy đủ, toàn diện hơn nữa và đánh dấu một bước phát triển mới trong hoạt động phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp, nhằm đưa những quy định của Luật Lý lịch tư pháp đi vào cuộc sống ngày càng có hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, hội nhập quốc tế và nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng tăng của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Tuy nhiên, hiện nay do cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp mới đang trong quá trình xây dựng nên sẽ có cơ sở cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đặc biệt là tra cứu thông tin lý lịch tư pháp có từ trước ngày 01/7/2010 (ngày Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực pháp luật), Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp phải phối hợp tra cứu, xác minh thông tin tại nhiều cơ quan như Công an, Tòa án, Viện kiểm sát nên có một số trường hợp còn chậm, chưa bảo đảm thời gian theo Luật định.

Để kịp thời khắc phục hạn chế nêu trên, bảo đảm thời hạn giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao tiến hành nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn trong công tác này. Ngày 30/11/2012, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức cuộc họp liên ngành với sự tham dự của đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để kịp thời có giải pháp tháo gỡ một số vướng mắc trong công tác lý lịch tư pháp, trong đó vướng mắc về thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường chậm so với quy định.

Trên cơ sở cuộc họp liên ngành, ngày 13/12/2012, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát (Bộ Công an) đã có Công văn số 1050/C53-PI gửi Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị chỉ đạo Phòng Hồ sơ (PV27, PC53) trực tiếp phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện rà soát, đối chiếu số lượng yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trong Công văn này, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát cũng đề nghị Sở Tư pháp phối hợp với Phòng PV27, PC53 thực hiện gửi hồ sơ yêu cầu và thông báo kết quả tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua mạng (trừ trường hợp yêu cầu bảo mật), bản chính gửi theo bưu điện. Đồng thời, trong Công văn cũng nêu rõ một số giải pháp để bảo đảm thời hạn tra cứu, xác minh thông tin tại Cơ quan Công an.

Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đã có văn bản gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu các Sở Tư pháp chủ động phối hợp với cơ quan Công an tỉnh, thành phố tiến hành các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong một số trường hợp còn chậm, không bảo đảm thời gian theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp.

Để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc xác minh thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, Bộ Tư pháp đã có Công văn gửi các Sở Tư pháp kèm theo số liệu vụ việc và danh sách Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản (số liệu này do Vụ Thống kê - Tổng hợp, Tòa án nhân dân tối cao) đề các Sở Tư pháp chủ động, nghiên cứu và tra cứu thông tin, đảm bảo việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ngày 10/01/2013, Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn số 22/TA-TKTH chỉ đạo các Tòa án địa phương cung cấp thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Bộ Tư pháp cũng đang tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành tiếp tục có các giải pháp cụ thể, chỉ đạo các Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành có liên quan trong tra cứu, xác minh thông tin, phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp, bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân. Đồng thời, để có cơ sở tra cứu thông tin lý lịch tư pháp, hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cần tiếp tục được đẩy mạnh,

nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý lý lịch tư pháp cũng như yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm làm việc với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan để bảo đảm thời gian cấp phiếu LLTP, hạn chế việc phải xin lỗi người dân (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Ngày 30/11/2012, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức cuộc họp liên ngành với sự tham dự của đại diện Lãnh đạo các đơn vị có liên quan thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để kịp thời có giải pháp tháo gỡ "điểm nghẽn" trong công tác lý lịch tư pháp, trong đó có khó khăn, vướng mắc của Sở Tư pháp về thời hạn tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp, phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp,

Trên cơ sở kết quả cuộc họp liên ngành, Bộ Tư pháp đã trao đổi, làm việc với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an (C53) để bàn giải pháp tháo gỡ. Ngày 13/12/2012, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ công an đã có Công văn số 1050/C53-P1 gửi Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Phòng hồ sơ (PV27, PC53) trực tiếp phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện rà soát, đối chiếu số lượng yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trong Công văn này, Cục C53 cũng đề nghị Sở Tư pháp phối hợp với Phòng PV27, PC53 thực hiện gửi hồ sơ yêu cầu và thông báo kết quả tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua mạng (trừ trường hợp yêu cầu bảo mật), bản chính gửi theo bưu điện. Đồng thời, trong Công văn cũng nêu rõ một số giải pháp để bảo đảm thời hạn tra cứu, xác minh thông tin tại Cơ quan Công an.

Ngày 19/12/2012, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 10101/BTP-TTLTTPQG gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc phối hợp xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp kèm theo Công văn số 1050/C53-P1 của Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát để Sở Tư pháp chủ động phối hợp với Phòng PV27, PC53 trong việc tổ chức thực hiện các giải pháp để bảo đảm thời gian tra cứu, xác minh thông tin, cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Việc cấp phiếu LLTP số 2 quá tải do yêu cầu từ phía cơ quan, tổ chức nước ngoài, có dấu hiệu vi phạm quyền con người. Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành quy định về đối tượng yêu cầu và điều kiện cấp phiếu LLTP số 2 (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp "Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng ... và cấp theo yêu cầu của cá nhân đề người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình". Phiếu lý lịch tư pháp số 2 bao gồm đầy đủ các thông tin của người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã bị kết án thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 sẽ ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được

xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).

Khoản 2 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp quy định “*Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho cá nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 của Luật này; trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thì không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp*”.

Như vậy, Luật Lý lịch tư pháp đã quy định cụ thể về đối tượng được quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và điều kiện, thủ tục để cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều cơ quan, tổ chức nước ngoài yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh, du học, định cư ở nước ngoài.... Điều này cũng phần nào ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của công dân. Do vậy, đề xuất của Quý Sở, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tổng hợp để sớm có giải pháp xử lý nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc về vấn đề này.

XVII. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đề nghị Bộ Tư pháp tạo điều kiện để các Sở Tư pháp địa phương được tham gia các đề tài, đề án, các nghiên cứu khoa học của Bộ thực hiện tại địa phương (UBND tỉnh Hưng Yên).

Trả lời:

Trong những năm vừa qua, tùy theo nội dung, tính chất công việc cũng như mục tiêu, phạm vi nghiên cứu Bộ Tư pháp đã chủ động lập kế hoạch triển khai, phối hợp với các Sở, Ủy ban, trong đó có rất nhiều Sở Tư pháp, UBND các tỉnh, thành phố đã tham gia tổ chức về tập huấn điều tra, khảo sát như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Lào Cai, Ninh Bình, Lạng Sơn, Hưng Yên... Với đề xuất hiện tại của UBND tỉnh Hưng Yên, Bộ Tư pháp thấy rằng Sở Tư pháp các địa phương hàng năm có thể căn cứ vào các định hướng nghiên cứu khoa học hàng năm của Bộ; căn cứ vào Quy chế quản lý khoa học của Bộ Tư pháp ban hành theo Quyết định số 1905/QĐ-BTP ngày 10/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và căn cứ vào các nhiệm vụ công tác trọng tâm của Bộ để đề xuất các vấn đề cần nghiên cứu của đại phương nhưng mang tầm cấp Bộ và gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 15/3 hàng năm để tổng hợp và báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phê duyệt thực hiện trong năm tiếp theo./.

BỘ TƯ PHÁP